

**CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG THÀNH ĐẠT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG THÀNH ĐẠT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400824044

**3. Ngày thành lập:** 19/10/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 586 đường Lê Lợi, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0986626244

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                               | 4652     |
| 2.  | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                        | 9511     |
| 3.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4933     |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4321     |
| 5.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4100     |
| 6.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2592     |
| 7.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1622     |
| 8.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình kênh mương thủy lợi, cấp thoát nước, đê, kè, đập;<br>Xây dựng công trình đường dây tải điện đến 35 KV và trạm biến áp<br>Xây dựng đường hầm;<br>Các công trình xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời; | 4290     |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4659     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>Khảo sát thiết kế, giám sát thi công các công trình.<br>Thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật, thiết kế dự toán công trình;<br>Lập quy hoạch đô thị và cụm dân cư nông thôn;<br>Tư vấn quản lý báo cáo kinh tế kỹ thuật;<br>Tư vấn quản lý dự án;<br>Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật; Lập dự án;<br>Lập hồ sơ mời thầu;<br>Thiết kế công trình cầu đường bộ; Thiết kế các công trình đê, kè, đập, công trình thủy lợi và cấp thoát nước;<br>Thiết kế kết cấu các công trình dân dụng, công nghiệp;<br>Thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế kiến trúc công trình;<br>Thiết kế nội ngoại thất công trình;<br>Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng, công nghiệp, đường dây và trạm biến áp;<br>Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình: Giao thông, các công trình đê, kè, đập, công trình thủy lợi và cấp thoát nước;<br>Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình xây dựng; | 7110(Chính) |
| 11. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4220        |
| 12. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4311        |
| 13. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6202        |
| 14. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6311        |
| 15. | Cổng thông tin                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6312        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4329        |
| 17. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4741        |
| 18. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4742        |
| 19. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4312        |
| 20. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 6201        |
| 21. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4322        |
| 22. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4651        |
| 23. | Hoạt động thông tấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6321        |
| 24. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4663        |
| 25. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4210        |
| 26. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4330        |
| 27. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4762        |
| 28. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6329        |
| 29. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1812        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: VŨ THỊ DUYÊN

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 03/11/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121692490

Ngày cấp: 04/07/2004

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Tân Tiến, Thôn Lạc Gián, Xã Hương Gián,  
Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 586 đường Lê Lợi, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Bắc Giang,  
Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VŨ THỊ DUYÊN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/11/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121692490

Ngày cấp: 04/07/2004

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Tân Tiến, Thôn Lạc Gián, Xã Hương Gián,  
Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 586 đường Lê Lợi, Phường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Bắc Giang,  
Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang